

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT



TRẦN THỊ HỌA MY

**CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TRÊN BIỂN ĐÔNG -
NHÌN TỪ GÓC ĐỘ PHÁP LÝ, THỰC TIỄN VÀ
LỜI GIẢI CHO BÀI TOÁN “GIẢI QUYẾT
TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG”**

Chuyên ngành: Luật Quốc tế

Mã số: 60 38 60

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2012

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. GVC Nguyễn Lan Nguyên

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa Luật
- Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 20.....

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
- Trung tâm thông tin – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

Trang

| | |
|---|-----------|
| Lời cam đoan | |
| Mục lục | |
| Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt | |
| Danh mục các hình vẽ, đồ thị | |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1: TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CHỦ QUYỀN QUỐC GIA TRÊN BIỂN | 10 |
| 1.1 Khái quát Biển Đông | 10 |
| 1.1.1 Vị trí địa lý, các địa danh và các quốc gia liên quan tới Biển Đông . | 11 |
| 1.1.2 Vai trò của Biển Đông đối với đời sống cộng đồng quốc tế | 13 |
| 1.2 Chủ quyền, phương thức xác lập chủ quyền và quy định của pháp luật quốc tế về chủ quyền của quốc gia trên biển | 16 |
| 1.2.1 Khái niệm về lãnh thổ và chủ quyền quốc gia | 16 |
| 1.2.2 Thụ đắc lãnh thổ trong luật quốc tế và các nguyên tắc xác lập chủ quyền | 17 |
| 1.2.3 Chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia trên biển | 29 |
| 1.3 Tranh chấp Biển Đông và quy định của pháp luật quốc tế về giải quyết tranh chấp | 37 |
| 1.3.1 Tranh chấp trên Biển Đông – nguyên nhân phát sinh và tác động đối với đời sống cộng đồng quốc tế | 37 |
| 1.3.2 Quy định của pháp luật quốc tế trong việc giải quyết tranh chấp quốc tế về biển | 43 |
| 1.3.3 Cơ chế giải quyết tranh chấp trên biển theo Công ước Luật biển 1982 | 47 |

| | |
|--|-----------|
| Chương 2: VIỆT NAM VỚI TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG VÀ VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN TRÊN BIỂN ĐÔNG – NHÌN TỪ GÓC ĐỘ PHÁP LÝ, THỰC TIỄN | 54 |
| 2.1 Cơ sở pháp lý và thực tiễn xác lập chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông | 54 |
| 2.1.1 Cơ sở pháp lý xác lập chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông | 54 |
| 2.1.2 Nguyên tắc, phương pháp xác lập chủ quyền trên biển của Việt Nam..... | 55 |
| 2.1.3 Chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông – phù hợp Công ước Luật Biển 1982, bảo đảm công bằng theo tuyên bố ứng xử Biển Đông và các Hiệp định về phân định biển | 58 |
| 2.1.4 Quan điểm về chủ quyền quốc gia trên biển và thực tiễn thực hiện chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông | 64 |
| 2.2 Tranh chấp Biển Đông đối với Việt Nam – cách ứng xử và tình hình giải quyết | 75 |
| 2.2.1 Tranh chấp Biển Đông đối với Việt Nam | 75 |
| 2.2.2 Quan điểm của các nước và cộng đồng quốc tế về vấn đề giải quyết tranh chấp Biển Đông | 85 |
| 2.2.3 Khó khăn và thách thức với Việt Nam trong giải quyết tranh chấp Biển Đông | 94 |
| 2.2.4 Thực tiễn giải quyết tranh chấp Biển Đông của Việt Nam | 102 |
| 2.3 Cơ sở lịch sử, pháp lý xác lập và thực hiện chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa | 106 |
| 2.3.1 Cơ sở lịch sử cho chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa | 106 |
| 2.3.2 Cơ sở pháp lý và thực tiễn thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa | 108 |

| | |
|--|-----|
| Chương 3: KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA TRÊN BIỂN VÀ LỜI GIẢI CHO BÀI TOÁN “GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG” | 113 |
| 3.1 Lời giải cho bài toán “giải quyết tranh chấp Biển Đông” | 113 |
| 3.1.1 Áp dụng giải pháp tạm thời theo các mô hình hợp tác khai thác chung | 113 |
| 3.1.2 Áp dụng các giải pháp khác cho giải quyết tranh chấp Biển Đông | 122 |
| 3.1.3 Xây dựng, hoàn thiện lộ trình giải quyết tranh chấp Biển Đông với chiến lược và bước tiến cụ thể | 124 |
| 3.2 Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển | 127 |
| 3.2.1 Hệ thống chính sách pháp luật Việt Nam quy định về biển | 127 |
| 3.2.2 Hệ thống chính sách pháp luật biển của các quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam | 129 |
| 3.2.3 Kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển | 135 |
| 3.2.4 Đề xuất luận cứ chứng minh chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa | 137 |
| 3.3 Kết hợp bảo vệ chủ quyền từ pháp lý tới thực tiễn | 141 |
| 3.3.1 Đảm bảo cơ sở pháp lý trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển | 141 |
| 3.3.2 Kết hợp bảo vệ chủ quyền từ pháp lý tới thực tiễn | 141 |
| KẾT LUẬN | 145 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vấn đề Biển Đông luôn hun nóng các diễn đàn khu vực cũng như quốc tế, trở thành chủ đề bàn luận chính trên các phương tiện truyền thông và là một trong những vấn đề mang tính cấp thiết quốc gia, thu hút nhiều sự quan tâm từ dư luận thế giới. Sóng Biển Đông tưởng chừng đã được xoa dịu khi các bên cùng ngồi lại, đàm phán và nhất trí thông qua Quy tắc hướng dẫn thực thi Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông. Thế nhưng, khi Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông chưa kịp hình thành thì hàng loạt sự kiện đáng tiếc đã diễn ra khiến tình hình tranh chấp Biển Đông thêm căng thẳng và việc giải quyết mâu thuẫn càng trở nên khó khăn.

Tranh chấp Biển Đông không phải là một vấn đề mới nhưng với diễn biến phức tạp mang tính thời sự quốc tế cùng những thách thức và nguy cơ ẩn chứa thì Biển Đông đang nổi những hồi chuông cảnh tỉnh, hối thúc những hành động khẩn trương, phù hợp nhằm bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia. Chính vì thế, ***“Chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông – nhìn từ góc độ pháp lý, thực tiễn và lời giải cho bài toán “Giải quyết tranh chấp Biển Đông”*”** thực sự là một đề tài cần được tìm hiểu, nghiên cứu và thảo luận nhiều hơn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Có khá nhiều luận văn, luận án tiến sĩ, công trình nghiên cứu khoa học, đã tìm hiểu, khai thác các vấn đề liên quan tới Biển Đông. Nhìn chung, các đề tài nghiên cứu đã góp phần chứng minh chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông, đưa ra cách nhìn, cách giải quyết về vấn đề tranh chấp biển, đảo cũng như khẳng định được Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam. Tuy nhiên, việc nghiên cứu đó mới chỉ dừng lại và có giá trị về mặt khoa học lý luận nên việc áp dụng vào thực tiễn chưa đạt hiệu quả khiến bài toán về tranh chấp Biển Đông vẫn chưa tìm được lời giải phù hợp.

3. Mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

– Mục đích nghiên cứu

Với đề tài luận văn này, tác giả hi vọng mình có thể đóng góp một phần tiếng nói cũng như trí tuệ, giúp đặt thêm những viên gạch nhỏ xây nền tảng pháp lý vững chắc nhằm bảo vệ toàn vẹn chủ quyền của Việt Nam trên biển. Bên cạnh đó, nghiên

cứu cũng nhằm mục đích tìm kiếm những giải pháp hiệu quả cùng những chiến lược phù hợp nhất cho bài toán “giải quyết tranh chấp Biển Đông” với mong muốn có thể vận dụng chúng vào việc nhanh chóng giải quyết bài toán trong thực tế.

– Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu một cách chung nhất, khái quát nhất về những tranh chấp trên Biển Đông, cơ sở pháp lý và thực tiễn xác lập chủ quyền quốc gia trên biển cũng như quan điểm và quy định của pháp luật quốc tế về giải quyết tranh chấp liên quan tới biển, đảo. Từ cái nhìn tổng quan, đưa ra cách nhìn cụ thể và toàn diện hơn đối với vấn đề tranh chấp Biển Đông của Việt Nam mà đặc biệt là vấn đề Hoàng Sa, Trường Sa. Qua đó, kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển và lời giải cho bài toán “giải quyết tranh chấp Biển Đông”.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở vận dụng các nguyên tắc, phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, của tư tưởng Hồ Chí Minh kết hợp với các phương pháp nghiên cứu khoa học khác. Từ các phương pháp nghiên cứu đã được xác định và lựa chọn, luận văn được tư duy và viết theo hướng kết hợp đồng thời hai phương pháp diễn dịch và quy nạp nhằm tạo sự hài hòa, chặt chẽ và logic cho các luận điểm được trình bày.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận văn đã góp phần làm phong phú hơn hệ thống tài liệu nghiên cứu về biển, đảo của Việt Nam và trở thành nguồn tài liệu tham khảo cho các cá nhân mong muốn tìm hiểu, nghiên cứu về vấn đề Biển Đông trên góc độ lý luận và khoa học.

Về thực tiễn, những kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam cùng các giải pháp giải quyết tranh chấp Biển Đông, mặc dù chưa thể góp phần giúp quốc gia giải quyết triệt để vấn đề tranh chấp nhưng nghiên cứu này cũng phần nào thu hút được sự quan tâm của nhiều độc giả đối với vấn đề chung liên quan tới vận mệnh của đất nước.

6. Cơ cấu của luận văn

Theo yêu cầu chung của một nghiên cứu khoa học, luận văn có bố cục gồm ba phần chính là: Mở đầu, Nội dung và Kết luận. Trong đó, phần nội dung được chia thành ba chương với các mục lớn và mục nhỏ tương ứng với từng chương.

Chương 1:

TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CHỦ QUYỀN QUỐC GIA TRÊN BIỂN

1.1. Khái quát Biển Đông

Do nằm ở phía Nam đại lục Trung Hoa nên Biển Đông có tên gọi là “*South China Sea*” (Biển Nam Trung Hoa), đây cũng là thuật ngữ tiếng Anh phổ biến nhất và là tên gọi quốc tế của vùng biển này. Tuy nhiên, tên gọi này chỉ mang ý nghĩa về mặt thuật ngữ mà không có ý nghĩa về mặt chủ quyền. Chính vì vậy, các quốc gia còn có nhiều cách gọi khác nhau để phản ánh chủ quyền lịch sử của mình với khu vực biển này như: “*Biển Đông*” theo cách gọi của Việt Nam, “*Nam Hải*” hay “*Nam Trung Quốc Hải*” theo cách gọi của Trung Quốc, còn Philippines gọi là biển Luzon.

1.1.1 Vị trí địa lý, các địa danh và các quốc gia liên quan tới Biển Đông

1.1.1.1 Địa lý Biển Đông

Biển Đông nằm ở phía Tây của Thái Bình Dương, là một biển kín được bao bọc bởi đảo Đài Loan, quần đảo Philippines ở phía đông, các đảo Indonesia và bán đảo Malaysia ở phía nam và đông nam, bán đảo Đông Dương ở phía tây và lục địa Nam Trung Hoa ở phía Bắc. Diện tích Biển Đông khoảng 3.400.000 km², độ sâu trung bình khoảng 1.140m và độ sâu cực đại khoảng 5.016m.

1.1.1.2 Các địa danh trên Biển Đông

Biển Đông có các vịnh lớn như: Vịnh Bắc Bộ, Vịnh Thái Lan, các nhóm đảo lớn: quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, các đảo, đá nhỏ cùng nhiều bãi cạn, bãi ngầm và các vùng biển khác.

1.1.1.3 Các quốc gia liên quan tới Biển Đông

Biển Đông được bao quanh bởi bờ biển của 9 quốc gia là: Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei, Indonesia, Singapore, Thái Lan và Campuchia. Hầu hết các quốc gia có biên giới với vùng biển này đều đang tranh cãi và có những yêu sách khác nhau về chủ quyền cũng như các nguồn tài nguyên trên Biển Đông.

1.1.2 Vai trò của Biển Đông đối với đời sống cộng đồng quốc tế

Không chỉ là tuyến đường huyết mạch trong giao thương hàng hải, Biển Đông còn chứa đựng nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng về chủng loại, phong phú về trữ lượng, đặc biệt quan trọng cho sự phát triển và thịnh vượng của các nước trong khu vực. Có lẽ vậy mà không có một vùng biển nào trên thế giới với diện tích tương đương lại chiếm một vị thế quan trọng về phương diện kinh tế, giao thông hàng hải, chính trị quân sự và an ninh quốc phòng như Biển Đông.

1.1.2.1 Vai trò trong giao thông hàng hải

1.1.2.2 Vai trò trong phát triển kinh tế quốc gia

1.1.2.3 Vai trò với chính trị và an ninh quốc phòng

1.2. Chủ quyền, phương thức xác lập chủ quyền và quy định của pháp luật quốc tế về chủ quyền của quốc gia trên biển

1.2.1 Khái niệm về lãnh thổ và chủ quyền quốc gia

Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là một bộ phận của chủ quyền quốc gia, khẳng định quyền làm chủ của quốc gia trên vùng lãnh thổ của mình, được giới hạn ở biên giới quốc gia nên mọi hành động vượt qua phạm vi biên giới quốc gia đều là hành động xâm phạm chủ quyền và trái với pháp luật quốc tế. Chủ quyền lãnh thổ chính là quyền lực tối cao, hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của mình. Chỉ quốc gia mới thực sự có quyền chiếm giữ, sử dụng và định đoạt một cách độc lập, hoàn toàn lãnh thổ đó.

1.2.2 Thụ đắc lãnh thổ trong luật quốc tế và các nguyên tắc xác lập chủ quyền

Lãnh thổ quốc gia là toàn vẹn và bất khả xâm phạm nhưng không phải vì vậy mà lãnh thổ quốc gia không có những thay đổi một cách hợp pháp dựa trên những cơ sở và phương thức do luật quốc tế quy định.

1.2.2.1 Vấn đề xác lập chủ quyền lãnh thổ

Thực tiễn và pháp luật quốc tế đã thừa nhận các nguyên tắc xác lập chủ quyền lãnh thổ gồm: nguyên tắc quyền phát hiện và nguyên tắc chiếm hữu thực sự. Bên cạnh đó, việc xác lập chủ quyền lãnh thổ có thể tiến hành qua các phương thức như: kế thừa quốc gia; hành vi pháp lý đơn phương của một quốc gia; mở rộng chủ quyền theo Công ước Luật biển 1982; xác lập lãnh thổ do kề cận địa lý.

1.2.2.2 Nguyên tắc thụ đắc lãnh thổ

Liên quan trực tiếp tới vấn đề thụ đắc lãnh thổ, có những nguyên tắc cơ bản sau: nguyên tắc bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia; nguyên tắc cấm sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực; nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế; nguyên tắc dân tộc tự quyết; nguyên tắc chiếm hữu thực sự

1.2.2.3 Phương thức thụ đắc lãnh thổ

Trong việc xác lập chủ quyền lãnh thổ, học thuyết và thực tiễn quốc tế thường chia thành các phương thức thụ đắc lãnh thổ chính gồm: thụ đắc lãnh thổ do chiếm hữu; thụ đắc lãnh thổ do tác động của tự nhiên; thụ đắc lãnh thổ do chuyển nhượng; thụ đắc do xâm chiếm; thụ đắc lãnh thổ theo thời hiệu.

1.2.3 Chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia trên biển

1.2.3.1 Biên giới biển và nguyên tắc xác định ranh giới biển

Ranh giới ngoài của lãnh hải – đường mà mỗi điểm ở trên đường đó cách điểm gần nhất của đường cơ sở một khoảng cách bằng chiều rộng lãnh hải được coi là đường biên giới quốc gia trên biển.

Đường biên giới quốc gia trên biển được xác định theo Công ước Luật biển 1982 và các điều ước quốc tế mà quốc gia đã ký kết hoặc gia nhập trên cơ sở các nguyên tắc nhất định như: nguyên tắc thỏa thuận, nguyên tắc công bằng, nguyên tắc đường trung tuyến.

1.2.3.2 Các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia

Theo Công ước Luật biển năm 1982, mỗi quốc gia ven biển có năm vùng biển, bao gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Trong mỗi vùng biển, quốc gia có chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán khác nhau.

a. *Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia gồm:* nội thủy và lãnh hải.

b. *Các vùng biển quốc gia có quyền chủ quyền và quyền tài phán gồm:* vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa.

1.3. Tranh chấp Biển Đông và quy định của pháp luật quốc tế về giải quyết tranh chấp

1.3.1 Tranh chấp trên Biển Đông – nguyên nhân phát sinh và tác động đối với đời sống cộng đồng quốc tế

1.3.1.1 Các tranh chấp trên Biển Đông

1.3.1.2 Nguyên nhân làm phát sinh tranh chấp

Các cuộc tranh chấp tại Biển Đông về mặt pháp lý chủ yếu xoay quanh những vấn đề về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các khu vực trên Biển Đông. Do đó, nhân tố làm phát sinh tranh chấp Biển Đông có thể kể đến như:

- Do có sự khiếm khuyết từ bản thân Công ước Luật biển 1982 tạo nên những khu vực biển chồng lấn trong phân định biển;
- Thiếu cơ chế thực thi và cơ quan giám sát nên không có sự thống nhất trong cách giải thích và áp dụng các quy định của Công ước Luật biển 1982, dẫn tới mỗi bên giải thích, áp dụng theo một cách khác nhau;
- Các quốc gia không tôn trọng và áp dụng triệt để việc phân định biển và giải quyết tranh chấp liên quan đến biển theo quy định của Công ước khiến những mâu thuẫn nhỏ kéo dài từ thế kỷ này sang thế kỷ khác và dần trở thành xung đột lớn leo thang, khó giải quyết;
- Bản thân Biển Đông luôn ẩn chứa nhiều phức tạp;
- Do yêu cầu và đòi hỏi phi lý của Trung Quốc với yêu sách đường lưỡi bò đòi hỏi chủ quyền trên toàn khu vực Biển Đông.

1.3.1.3 Tác động của tranh chấp Biển Đông đối với các bên và cộng đồng quốc tế

Biển Đông đang chiếm giữ vị trí chiến lược trong giao thương hàng hải và có một vai trò cực kỳ quan trọng đối với các quốc gia liên quan cũng như cộng đồng quốc tế. Tiềm năng phát triển dồi dào và lợi ích vô cùng to lớn từ Biển Đông chính là mục tiêu, động lực mà các bên hướng tới trong các cuộc phân chia, tranh giành lãnh thổ biển nhằm thu lợi cho quốc gia mình. Chính vì vậy, tranh chấp Biển Đông đang diễn ra có thể dẫn tới những tác động và hậu quả khó lường đối với tình hình kinh tế, chính trị, quân sự và an ninh khu vực cũng như Thế giới.

1.3.2 Quy định của pháp luật quốc tế trong việc giải quyết tranh chấp quốc tế về biển

1.3.2.1 Cơ sở pháp lý cho việc giải quyết tranh chấp quốc tế về biển

Nguồn luật chính để các quốc gia áp dụng đó là các quy định của Hiến chương

Liên hợp quốc, Công ước Luật biển 1982, các tập quán, án lệ quốc tế và các Điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương được ký kết giữa các quốc gia. Bên cạnh đó, các quốc gia cũng cần tuân theo các tuyên bố, cam kết, quy tắc đã cùng thống nhất như: Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông, Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông.

1.3.2.2 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp quốc tế về biển

a. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp quốc tế giữa các quốc gia

Liên hợp quốc đã quy định nguyên tắc giải quyết tranh chấp quốc tế giữa các quốc gia tại Khoản 3 Điều 2 của Hiến Chương Liên hợp quốc 1945: “*Tất cả các thành viên Liên hợp quốc giải quyết các tranh chấp quốc tế của họ bằng các biện pháp hòa bình, sao cho không tổn hại đến hòa bình, an ninh quốc tế và công lý*”. Đây cũng là một trong những nguyên tắc cơ bản, nền tảng của Luật quốc tế hiện đại mà các quốc gia phải tuân theo.

b. Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế về phân định biển

Các bên cần xem xét tới các nguyên tắc thỏa thuận, nguyên tắc công bằng, nguyên tắc đường trung tuyến được sử dụng khi tiến hành phân định các vùng biển và thềm lục địa để thỏa thuận cho mình giải pháp giải quyết tranh chấp hữu hiệu nhất trên cơ sở tôn trọng hòa bình, công lý và an ninh quốc tế.

1.3.2.3 Các phương thức giải quyết tranh chấp quốc tế

Bao gồm các phương thức như: giải quyết tranh chấp trực tiếp; thông qua bên thứ ba; giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế và các hiệp định khu vực; giải quyết tranh chấp thông qua cơ quan tài phán.

1.3.3 Cơ chế giải quyết tranh chấp trên biển theo Công ước Luật biển 1982

1.3.3.1 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp theo Công ước Luật biển 1982

Công ước Luật biển 1982 cũng quy định các quốc gia thành viên giải quyết tranh chấp về biển phải tuân theo các phương pháp hòa bình. Theo đó, các bên có thể thảo luận chọn lựa các giải pháp giải quyết tranh chấp phù hợp.

1.3.3.2 Cơ quan giải quyết tranh chấp theo Công ước Luật biển 1982

Các cơ quan giải quyết tranh chấp theo Công ước Luật biển 1982 bao gồm: Tòa án công lý quốc tế, Tòa án quốc tế về luật biển, Tòa trọng tài quốc tế về Luật biển, Tòa trọng tài đặc biệt

Chương 2:

VIỆT NAM VỚI TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG VÀ VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN TRÊN BIỂN ĐÔNG – NHÌN TỪ GÓC ĐỘ PHÁP LÝ, THỰC TIỄN

2.1. Cơ sở pháp lý và thực tiễn xác lập chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông

2.1.1 Cơ sở pháp lý xác lập chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông

Trong phân định biển cũng như xác lập và thực hiện chủ quyền trên biển, Việt Nam đã dựa trên một nền tảng pháp lý tương đối vững chắc là các quy định của Công ước Luật biển 1982, các điều ước quốc tế song phương, đa phương đã ký kết cũng như các văn bản pháp lý của quốc gia được xây dựng phù hợp với các nguyên tắc và thực tiễn quốc tế.

2.1.2 Nguyên tắc, phương pháp xác lập chủ quyền trên biển của Việt Nam

2.1.2.1 Nguyên tắc

Việt Nam chủ trương tôn trọng các nguyên tắc đã được quy định trong Công ước Luật biển 1982 cũng như các quy định trong các điều ước quốc tế được ký kết giữa Việt Nam và các quốc gia.

2.1.2.2 Phương pháp

Việt Nam đã tiến hành đàm phán giải quyết các vấn đề về phân định biển với các nước láng giềng và đạt được một số kết quả nhất định thông qua việc ký kết các Hiệp định về phân định biển. Tuy nhiên, không có một phương pháp cụ thể nào được đề xuất cho hoạt động này, các bên chỉ thỏa thuận tiến hành trên cơ sở tôn trọng các quy định của luật pháp quốc tế. Theo đó, đối với mỗi vùng biển cụ thể, hoạt động phân định biển được tiến hành theo từng phương pháp nhất định:

– *Phân định lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải*: phương pháp đường cách đều (trung tuyến) và biện pháp thỏa thuận giải pháp khác giữa các quốc gia trên cơ sở tính đến các yếu tố như danh nghĩa lịch sử hoặc hoàn cảnh đặc biệt được ghi nhận như một phương pháp để giải quyết vấn đề phân định lãnh hải giữa các quốc gia. Đối với việc phân định vùng tiếp giáp lãnh hải, các quốc gia cũng chấp nhận áp dụng phương

pháp dành cho phân định lãnh hải.

– *Phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa*: Việt Nam và các nước thông qua con đường thỏa thuận theo đúng quy định của pháp luật quốc tế để đi đến một giải pháp công bằng.

2.1.3 Chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông – phù hợp Công ước Luật Biển 1982, bảo đảm công bằng theo tuyên bố ứng xử Biển Đông và các Hiệp định về phân định biển

Trong thời gian Công ước Luật biển 1982 chưa được thông qua và có hiệu lực đối với Việt Nam, Chính phủ đã có những tuyên bố cụ thể để xác định các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán cho quốc gia mình. Theo đó, các vùng biển của Việt Nam cũng bao gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Phạm vi các vùng biển này hoàn toàn phù hợp với các quy định của Công ước Luật biển 1982. Dựa trên nền tảng Công ước Luật biển 1982 cùng các Hiệp định đã ký kết với các quốc gia khu vực, các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam quy định về hoạt động quản lý và thực hiện chủ quyền quốc gia trên biển đều thể hiện tinh thần hòa bình, tôn trọng pháp luật quốc tế và các thỏa thuận đã ký kết. Vì vậy, quan điểm và cách ứng xử của Việt Nam tại các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán đều phù hợp quy định và Tuyên bố chung. Có thể thấy rõ điều này qua việc tìm hiểu các vùng biển của Việt Nam:

2.1.3.1 *Nội thủy*

2.1.3.2 *Lãnh hải*

2.1.3.3 *Vùng tiếp giáp lãnh hải*

2.1.3.4 *Vùng đặc quyền kinh tế*

2.1.3.5 *Thềm lục địa*

2.1.4 Quan điểm về chủ quyền quốc gia trên biển và thực tiễn thực hiện chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông

2.1.4.1 *Quan điểm của Việt Nam về chủ quyền quốc gia trên Biển Đông*

Với Việt Nam, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ là điều thiêng liêng của cả dân tộc. Vì thế, ngay từ đầu, chúng ta đã rất ý thức và có những quan điểm rõ ràng về chủ

quyền của mình trên biển cũng như vị thế, vai trò của biển, đảo đối với đời sống và sự phát triển của quốc gia. Việt Nam công khai tuyên bố chủ quyền quốc gia trên biển và không ngần ngại bằng các lý lẽ và luận cứ lịch sử cũng như pháp lý chứng minh với bạn bè quốc tế rằng chủ quyền của Việt Nam dựa trên cơ sở pháp lý vững chắc và hoàn toàn phù hợp với thực tiễn quốc tế.

2.1.4.2 Phản ứng của Việt Nam với đường cơ sở 9 đoạn của Trung Quốc

Trước yêu sách về chủ quyền gần như với toàn bộ Biển Đông trên cơ sở lập luận về “đường lưỡi bò” từ phía Trung Quốc, Việt Nam cũng đã có những quan điểm không đồng tình và liên tục bày tỏ sự phản đối của mình trước lập luận phi lý, thiếu cơ sở của nước bạn. Việt Nam đã có công hàm gửi Liên Hợp quốc chính thức tuyên bố không thừa nhận “đường lưỡi bò” của Trung Quốc cũng như phản đối các yêu sách của quốc gia này đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Trên các diễn đàn quốc tế, Việt Nam cũng bác bỏ vấn đề này khi Trung Quốc đề cập và cũng đã lên tiếng phản đối Trung Quốc cung cấp dịch vụ bản đồ trực tuyến Map World, trên đó thể hiện đường yêu sách 9 đoạn của mình đồng thời yêu cầu Trung Quốc gỡ bỏ ngay những nội dung sai trái trong bản đồ nói trên.

2.1.4.3 Thực tiễn thực hiện chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông

Ở mỗi thời kỳ, trong mỗi lĩnh vực, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có những biện pháp và hành động cụ thể, thiết thực để thực hiện và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia trên biển. Những hành động đó phần nào làm cho Thế giới hiểu rằng vùng biển tranh chấp xưa đã là của Việt Nam, đến nay vẫn thuộc chủ quyền của Việt Nam nên chúng ta sẽ kiên quyết bảo vệ nó tới cùng. Thực tiễn thực hiện chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông được tiến hành toàn diện trên các lĩnh vực như: trong xây dựng cơ sở pháp lý; trong quản lý hành chính; trong xây dựng và phát triển kinh tế biển; trong an ninh quốc phòng.

2.2. Tranh chấp Biển Đông đối với Việt Nam – cách ứng xử và tình hình giải quyết

2.2.1 Tranh chấp Biển Đông đối với Việt Nam

2.2.1.1 Tranh chấp tại các vùng biển chồng lấn

a. Tranh chấp với Campuchia tại Vịnh Thái Lan

b. *Tranh chấp với Thái Lan về vùng chồng lấn tại Vịnh Thái Lan*

c. *Tranh chấp với Malaysia*

2.2.1.2 *Tranh chấp tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*

Trong thực tiễn, không chỉ mình Việt Nam đưa ra tuyên bố chủ quyền đối với hai quần đảo, mà các quốc gia như Trung Quốc, Đài Loan, Philippines, Malaysia, Brunei cũng có những yêu sách riêng biệt đối với các đá, đảo tại khu vực này.

a. *Tranh chấp với Trung Quốc*

Trung Quốc đưa ra yêu sách “*đường lưỡi bò*” tại Hoàng Sa, Trường Sa với lập luận rằng, ngư dân Trung Quốc là những người phát hiện, đặt tên và quản lý đầu tiên hai quần đảo. Yêu sách đường lưỡi bò của Trung Quốc bao trùm 80% Biển Đông được sử dụng như là một trong những bằng chứng về chủ quyền của họ ở khu vực hai quần đảo cũng như vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam.

b. *Tranh chấp với Đài Loan*

Cũng giống như Trung Quốc, Đài Loan dựa trên mỗi lịch sử lâu dài với các đảo để tuyên bố chủ quyền tại quần đảo Trường Sa.

c. *Tranh chấp với Philipines*

Yêu sách của Philipines tại Trường Sa dựa trên sự phát hiện của Thomas Cloma và sự chiếm đóng các đảo từ ngày 15/03/1956.

d. *Tranh chấp với Malaysia*

Năm 1971 Malaysia mới bắt đầu đưa ra yêu sách đối với Trường Sa. Tới nay Malaysia đã quản lý 5 vị trí tại Trường Sa, đưa ra yêu cầu chủ quyền với 12 đảo và bãi ngầm khác. Tất cả các vị trí này đều nằm trong đòi hỏi về ranh giới năm 1979 mà họ đưa ra. Quốc gia này căn cứ theo điều 76 Công ước Luật biển 1982, tuyên bố chủ quyền đối với các đảo nằm trên thềm lục địa của mình.

e. *Tranh chấp với Brunei*

Dù chưa chính thức đòi hỏi chủ quyền nhưng các học giả của quốc gia này đã đưa ra một số yêu sách đối với đá ngầm Louisa thuộc quần đảo Trường Sa vì bãi đá nằm trên thềm lục địa nước này theo Điều 75 và 77 của Công ước Luật biển 1982.

2.2.2 *Quan điểm của các nước và cộng đồng quốc tế về vấn đề giải quyết tranh chấp Biển Đông*

2.2.2.1 Quan điểm của Việt Nam

Việt Nam chủ trương giải quyết các bất đồng thông qua thương lượng hòa bình trên cơ sở tôn trọng luật pháp và thực tiễn quốc tế, đặc biệt là Công ước Luật biển 1982 và tinh thần của Tuyên bố về Cách ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002, cũng như thỏa thuận chung đạt được giữa lãnh đạo cấp cao của các bên. Việc giải quyết tranh chấp phải dựa trên nguyên tắc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và tinh thần lắng nghe, hữu nghị, nhằm giữ gìn hòa bình, ổn định và tìm kiếm giải pháp cơ bản, lâu dài mà các bên đều có thể chấp nhận được.

2.2.2.2 Quan điểm của Trung Quốc

Trung Quốc khẳng định lập trường không quốc tế hóa vấn đề Biển Đông và kiên quyết với quan điểm phản đối mạnh mẽ sự can thiệp của cộng đồng quốc tế cũng như không chấp nhận sự tham gia của Mỹ hay các nước thứ ba trong việc giải quyết tranh chấp Biển Đông. Trung Quốc sẽ kiên trì với các biện pháp hòa bình theo quy định của pháp luật quốc tế và quyết tâm "tuân thủ tuyệt đối" Tuyên bố chung đã ký với các nước ASEAN về cách ứng xử ở Biển Đông. Trung Quốc cũng lên tiếng phản đối việc các bên tranh chấp đưa vụ việc ra cơ quan tài phán quốc tế, quốc gia này chỉ muốn đối thoại song phương giải quyết tranh chấp và duy trì những quan điểm của mình trong các tranh chấp Biển Đông nói chung và tranh chấp với Việt Nam trên Biển Đông nói riêng.

2.2.2.3 Quan điểm của các quốc gia Đông Nam Á

Hầu hết các quốc gia đều không chấp nhận và đã đưa ra tuyên bố phản đối “đường lưỡi bò” cùng yêu sách của Trung Quốc. Các nước cũng đề xuất quan điểm nâng vấn đề Biển Đông thành vấn đề giữa ASEAN và Trung Quốc cũng như hưởng ứng việc hòa bình giải quyết tranh chấp và áp dụng giải pháp tạm thời “cùng khai thác chung”.

2.2.2.4 Quan điểm của các quốc gia ngoài tranh chấp về vấn đề giải quyết tranh chấp Biển Đông của Việt Nam

Các quốc gia ngoài tranh chấp cũng không chấp nhận đường yêu sách 9 đoạn của Trung Quốc và cùng có quan điểm phải áp dụng Công ước Luật biển 1982 cũng như các quy định pháp luật và án lệ quốc tế để phân định biển và giải quyết tranh

chấp. Để giải quyết tranh chấp Biển Đông cần sớm soạn thảo và ký kết Bộ Quy tắc ứng xử Biển Đông cũng như hoạch định vùng tranh chấp theo một chế độ riêng biệt.

2.2.3 *Khó khăn và thách thức với Việt Nam trong giải quyết tranh chấp Biển Đông*

2.2.3.1 *Khó khăn từ nội tại*

Tranh chấp Biển Đông của Việt Nam vẫn kéo dài, chưa đi đến giải pháp cuối cùng, một phần lý do xuất phát từ những khó khăn nội tại mà chúng ta đang đối mặt:

Trước tiên, phải nhắc đến thiếu sót của Việt Nam trong việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc xác lập lãnh thổ đối với Hoàng Sa và Trường Sa.

Tiếp đó là những vướng mắc do các tuyên bố đơn phương được đưa ra từ thời Việt Nam dân chủ cộng hòa mà Trung Quốc đã dựa vào đó để cho rằng Việt Nam đã công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên quần đảo Hoàng Sa. Có thể kể đến phát biểu của thứ trưởng Bộ ngoại giao nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 15/06/1956 và tuyên bố của Thủ tướng Phạm Văn Đồng năm 1958.

Về thực tiễn thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, khó khăn cho Việt Nam là Trung Quốc và nhiều quốc gia khác xem sự đánh chiếm của Trung Quốc năm 1974 là hợp pháp, sự chiếm hữu là công khai và không bị phản đối và vì thế họ đã chính thức xác lập chủ quyền đối với Hoàng Sa.

Thách thức tiếp cho Việt Nam là chúng ta đang yếu hơn Trung Quốc về rất nhiều mặt, từ ngoại giao, kinh tế, chính trị cho tới tiềm năng quân sự và sự đầu tư vào an ninh, quốc phòng. Việt Nam là nước nhỏ và dường như càng trở lên nhỏ bé hơn trong cuộc chiến với chàng khổng lồ Trung Quốc.

2.2.3.2 *Những thách thức từ yếu tố khách quan*

Mặc dù các quốc gia đã thỏa thuận và cam kết áp dụng nguyên tắc hòa bình trong việc giải quyết tranh chấp nhưng phía Trung Quốc luôn tiến hành các hoạt động trái phép, vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc đã cam kết. Hành động ngang ngược của Trung Quốc không chỉ cản trở việc thực hiện chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo mình đang chiếm hữu, gây hoang mang và bức xúc trong lòng dư luận mà còn làm phức tạp và căng thẳng thêm tình hình trên Biển Đông.

Việc thiếu thiện chí của Trung Quốc trong tiến trình đàm phán, giải quyết tranh chấp Biển Đông cũng là một trong những trở ngại lớn đối với Việt Nam.

2.2.4 Thực tiễn giải quyết tranh chấp Biển Đông của Việt Nam

2.2.4.1 Về giải quyết tranh chấp các vùng biển chồng lấn

Việt Nam đã tiến hành đàm phán với các nước và đi đến ký kết nhiều Hiệp định quan trọng để giải quyết vấn đề phân định biển tại các khu vực biển chồng lấn.

2.2.4.2 Giải quyết tranh chấp chủ quyền tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Việt Nam đã tham gia các tuyên bố và quy tắc ứng xử Biển Đông, tiến hành đàm phán với các nước liên quan như Trung Quốc, Philippines, Malaysia ... về vấn đề giải quyết tranh chấp và hợp tác trên Biển Đông, cùng Trung Quốc ký kết văn kiện mới “Thỏa thuận những Nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển”.

2.3. Cơ sở lịch sử, pháp lý xác lập và thực hiện chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

2.3.1 Cơ sở lịch sử cho chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Lịch sử đã chứng minh và ghi nhận quá trình chiếm hữu và thực hiện các hoạt động quản lý hành chính cũng như xây dựng, phát triển kinh tế biển đảo, tiến hành các tuyên bố chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa mà không bị bất kỳ quốc gia nào phản đối. Bằng chứng lịch sử mà chúng ta đang có là những minh chứng hùng hồn, đanh thép về thực tiễn xác lập và thực hiện chủ quyền lãnh thổ biển liên tục, thực sự và công khai của Việt Nam.

2.3.2 Cơ sở pháp lý và thực tiễn thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Nước Việt Nam có đầy đủ cơ sở pháp lý và thực tiễn khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Về cơ sở pháp lý: việc xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo này hoàn toàn hợp pháp, dựa trên nguyên tắc về quyền phát hiện và chiếm hữu thực sự với lãnh thổ vô chủ được quy định trong luật pháp và thực tiễn quốc tế. Về thực tiễn: việc thực hiện chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo được tiến hành công khai, liên tục, hiệu quả, xuyên suốt chiều dài lịch sử.

Chương 3:

KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA TRÊN BIỂN VÀ LỜI GIẢI CHO BÀI TOÁN “GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG”

3.1 Lời giải cho bài toán “giải quyết tranh chấp Biển Đông”

3.1.1 Áp dụng giải pháp tạm thời theo các mô hình hợp tác khai thác chung

Giải pháp mà các quốc gia thường đề cập đến và đã áp dụng thành công trong thực tiễn tranh chấp đó là “*Khai thác chung*” và “*Hợp tác cùng phát triển*”.

3.1.1.1 Hợp tác khai thác chung

3.1.1.2 Các mô hình hợp tác khai thác chung được đề xuất áp dụng với tranh chấp Biển Đông

Học giả của các quốc gia cũng đã đề xuất nhiều mô hình cụ thể áp dụng vào khu vực Biển Đông mà đặc biệt là vận dụng cho quần đảo Trường Sa. Tuy nhiên, các mô hình này chưa thực sự hiệu quả nên chưa được các bên tranh chấp tán thành. Mặc dù vậy, chúng ta cũng cần tìm hiểu để rút ra những bài học kinh nghiệm cho các giải pháp của mình. Có thể kể đến các mô hình và công thức như: mô hình Nam cực; mô hình Hiệp ước Svalbard (liên quan đến quần đảo Spitsbergen); phương thức chia sẻ tài nguyên trong khu vực Biển Đông; công thức bánh vòng “donut”; mô hình khu vực “di sản chung”; mô hình cơ quan khai thác tài nguyên; chế độ “Cộng quản”; mô hình hợp tác khai thác chung theo Hiệp ước về Vùng trồng Timor.

3.1.1.3 Vận dụng với tranh chấp Biển Đông của Việt Nam

Do không một mô hình hợp tác khai thác chung nào được đưa ra là hoàn thiện hay đem đến sự công bằng cho tất cả các bên nên chúng ta cần vận dụng kết hợp các mô hình một cách linh hoạt để tạo thành một giải pháp mới mà các bên đều có thể chấp nhận. Với sự phức tạp trong tranh chấp Biển Đông, có thể áp dụng giải pháp hợp tác với các bước đi cụ thể sau:

Thứ nhất, các bên cần ký văn bản thỏa thuận hợp tác khai thác chung và thống nhất việc hợp tác khai thác chung chỉ là giải pháp tạm thời được áp dụng đến khi các bên có thể giải quyết được vấn đề chủ quyền. Sự phân chia lợi ích từ việc hợp tác này

không làm ảnh hưởng tới chủ quyền thực sự của mỗi bên. Giải pháp chỉ nhằm mục đích tận dụng nguồn lợi từ biển, tránh sự căng thẳng kéo dài khi đối tượng tranh chấp chưa được phán quyết mà các bên lại phát sinh thêm mâu thuẫn do tranh giành quyền khai thác, định đoạt đối tượng. Cần đảm bảo việc thỏa thuận khai thác chung là hiệu quả, công bằng và không phương hại tới tiến trình giải quyết tranh chấp chủ quyền.

Thứ hai, cần xác định phạm vi vùng biển thuộc tranh chấp, đối tượng của hoạt động hợp tác khai thác chung, tìm hiểu và phân tích sự phức tạp cũng như đặc điểm riêng của vùng, phân chia chúng thành nhiều khu vực theo từng tính chất và đặc thù, tại mỗi khu vực hoạch định kế hoạch khai thác và xây dựng các hiệp định về khai thác phù hợp với mỗi sự khác biệt ấy.

Thứ ba, xem xét lại yêu sách của các bên tại khu vực tranh chấp, cân nhắc lợi ích mà mỗi quốc gia được và mất khi tranh chấp phát sinh, căn cứ vào sự chiếm hữu thực sự, hoạt động khai thác và đóng góp thực tế của mỗi bên để tiến hành đàm phán phân chia lợi nhuận. Quyền lợi phân chia phải đảm bảo sự công bằng, bình đẳng cho tất cả các quốc gia có yêu sách. Tránh quá coi trọng nước lớn mà tạo ra sự bất công cho các nước nhỏ.

Thứ tư, xác định đối tượng của hoạt động khai thác chung, các lĩnh vực và phạm vi hợp tác; thảo luận, soạn thảo và hoàn thiện văn kiện quản lý chung việc hợp tác khai thác; quy định đầy đủ về nguyên tắc, phạm vi, phương thức hợp tác chung cũng như các quy tắc tiến hành hoạt động khai thác, phân chia lợi ích, đồng thời đưa ra chế tài xử lý đối với bên có hành động vi phạm, cản trở hoạt động chung.

Thứ năm, thiết lập một cơ quan giám sát và điều phối chung, hoạt động độc lập và vì lợi ích của tất cả quốc gia thành viên. Cơ quan này sẽ tiến hành giám sát hoạt động khai thác, hợp tác phát triển của các bên tại khu vực tranh chấp, tiến hành ngăn chặn và xử lý kịp thời khi có vi phạm xảy ra.

3.1.2 Áp dụng các giải pháp khác cho giải quyết tranh chấp Biển Đông

Giải pháp mà hiện tại các bên đang lựa chọn đó là giải quyết tranh chấp thông qua đàm phán và hiệp thương hữu nghị. Tuy nhiên giải pháp này sẽ không mang lại hiệu quả cao khi Trung Quốc tỏ ra thiếu thiện chí trong quá trình đàm phán cũng như trong cách hành xử.

Việt Nam cần phải có những hành động thích hợp để có cơ hội sử dụng những giải pháp hiệu quả hơn cho tranh chấp Biển Đông. Việc thỏa thuận và yêu cầu Trung Quốc chấp nhận sự can thiệp từ cơ quan tài phán là một việc làm khó nhưng không phải không thể làm được. Trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa hai nước, chúng ta có thể đưa yêu cầu này vào quá trình đàm phán của hai bên hoặc cũng có thể nhờ đến sự giúp đỡ từ cộng đồng ASEAN khi soạn thảo Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông trước khi cùng Trung Quốc thông qua.

3.1.3 Xây dựng, hoàn thiện lộ trình giải quyết tranh chấp Biển Đông với chiến lược và bước tiến cụ thể

Việt Nam cần xây dựng một lộ trình giải quyết tranh chấp với những chiến lược đúng đắn và tiến hành theo từng bước thận trọng, linh hoạt.

Trước tiên, nhằm giữ uy tín và tạo sự ủng hộ từ cộng đồng quốc tế, cần đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, quy định của pháp luật quốc tế trong giải quyết tranh chấp, tiếp tục kiên trì với các cam kết đã thống nhất giữa các bên.

Tiếp đến, cần khai thác và tận dụng triệt để những lợi ích từ việc là thành viên của các tổ chức quốc tế nhằm củng cố thêm sức mạnh từ tiếng nói cộng đồng. Cần tranh thủ sự ủng hộ của các quốc gia thành viên, cần nhanh chóng kêu gọi ASEAN đứng ra can thiệp và có những động thái tích cực trong vấn đề Biển Đông, cần hối thúc ASEAN sớm soạn thảo và hoàn thiện Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông.

Khi các bên đạt được Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông, không có nghĩa là tranh chấp Biển Đông đã được giải quyết dứt điểm. Vì vậy cần chuẩn bị tốt cho quá trình đàm phán giải quyết tranh chấp cũng như sẵn sàng đối phó với những thách thức mới.

Sau cùng, khi giải pháp “quyết thông qua đàm phán và hiệp thương hữu nghị” giữa các bên kéo dài và không đi đến kết quả cuối cùng thì Việt Nam cũng cần dự liệu, chuẩn bị để tiến hành những phương thức giải quyết khác phù hợp hơn.

3.2 Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển

3.2.1 Hệ thống chính sách pháp luật Việt Nam quy định về biển

Các văn bản pháp lý hiện hành của Việt Nam mới chỉ nêu những nguyên tắc chung về xác định phạm vi, chế độ pháp lý của các vùng biển và thềm lục địa, chưa cụ thể hoá công tác quản lý Nhà nước về biển nên hiệu lực pháp lý còn thấp.

3.2.2 Hệ thống chính sách pháp luật biển của các quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam

3.2.2.1 Chính sách pháp luật về quản lý biển của Canada, Trung Quốc, Nhật Bản

Canada, Nhật Bản, Trung Quốc là các quốc gia có hệ thống chính sách pháp luật về quản lý biển tương đối hoàn thiện. Vì vậy, nghiên cứu hệ thống chính sách pháp luật của các quốc gia này sẽ tìm được những bài học và kinh nghiệm để hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

3.2.2.2 Kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ xu thế phát triển chung của thế giới và qua kinh nghiệm của các nước, một số gợi mở đối với việc xây dựng chính sách, pháp luật biển đối với Việt Nam:

Một là, việc xây dựng chính sách biển quốc gia của Việt Nam phải dựa trên cơ sở pháp lý là một đạo luật khung về biển.

Hai là, việc xây dựng một đạo luật khung về quản lý biển cũng như chính sách biển toàn diện ở tầm quốc gia cần kết hợp với vai trò các đạo luật chuyên ngành và chính sách đơn ngành;

Ba là, xây dựng chính sách biển quốc gia phải có tính toàn diện, tổng quát;

Bốn là, việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách biển quốc gia và các chương trình quản lý biển cụ thể cần xác định lộ trình thời gian, kế hoạch chi tiết;

Năm là, việc xây dựng chính sách biển quốc gia cần phải có một cơ quan liên ngành với cơ chế phối, kết hợp chặt chẽ.

3.2.3 Kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển

Khi Luật biển Việt Nam ra đời, Nhà nước cũng cần chuẩn bị tốt cho quá trình thực thi: sửa đổi các văn bản luật chuyên ngành; ban hành những văn bản dưới luật để hướng dẫn cụ thể việc thực hiện từng điều khoản quy định trong luật biển; tuyên truyền, phổ biến Luật biển tới mọi công dân trong và ngoài nước; khẩn trương thành lập và giao thẩm quyền cho các cơ quan chuyên trách tại các vùng biển tranh chấp để kịp thời đưa ra các tác động cần thiết; quản lý tốt các khu vực tranh chấp; nghiên cứu, dự liệu và có kế hoạch đề phòng các tranh chấp có thể phát sinh ở các khu vực khác.

3.2.4 Đề xuất luận cứ chứng minh chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa

Chúng ta có đủ luận cứ và bằng chứng để khẳng định “Việt Nam có chủ quyền không tranh cãi đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”:

Thứ nhất: Chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông mà cụ thể là chủ quyền đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được xác lập hoàn toàn hợp pháp, theo quy định và thực tiễn của pháp luật quốc tế. Việc xác lập và thực hiện chủ quyền của Việt Nam đã được tiến hành từ thời kỳ nhà nước phong kiến, dựa trên nguyên tắc và quy định của pháp luật quốc tế về thụ đắc lãnh thổ, đó là quyền phát hiện và chiếm hữu thực sự đối với lãnh thổ vô chủ.

Thứ hai, việc thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được tiến hành liên tục, có hiệu quả và xuyên suốt chiều dài lịch sử.

Thứ ba, Việt Nam đã công khai chủ quyền của mình và không có sự phản đối từ bất kỳ quốc gia nào. Điều đó chứng tỏ chủ quyền của Việt Nam đã được các quốc gia công nhận trong thực tế.

Thứ tư, những luận cứ mà Trung Quốc đưa ra để phản bác lại chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa, Trường Sa hoàn toàn thiếu cơ sở và không có tính thuyết phục.

Thứ năm, Tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc tại Hoàng Sa, Trường Sa là hết sức phi lý, không dựa trên nguyên tắc và quy định của pháp luật quốc tế và cũng thiếu tính thực tế.

3.3 Kết hợp bảo vệ chủ quyền từ pháp lý tới thực tiễn

3.3.1 Đảm bảo cơ sở pháp lý trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển

Cần coi trọng việc tiếp tục sưu tầm, nghiên cứu và hoàn thiện hồ sơ pháp lý về vấn đề chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông nói chung và trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nói riêng. Trong quá trình thương lượng với các bên tranh chấp, những lập luận về chủ quyền của Việt Nam dựa trên nguyên tắc và quy định của pháp luật quốc tế sẽ giúp chúng ta có cơ sở chứng minh cho yêu cầu chính đáng của mình và bảo vệ được những gì đã thuộc về chúng ta. Những bằng chứng pháp lý cũng sẽ là căn cứ để các cơ quan giải quyết tranh chấp quốc tế công nhận chủ quyền

của Việt Nam nếu vụ việc được đưa ra xét xử.

3.3.2 Kết hợp bảo vệ chủ quyền từ pháp lý tới thực tiễn

Chúng ta không nên chỉ chú trọng củng cố và hoàn thiện cơ sở pháp lý mà quên đi việc bảo vệ chủ quyền trên cơ sở thực tiễn. Yếu tố pháp lý và thực tiễn cần kết hợp hài hòa để hoạt động thực hiện và bảo vệ chủ quyền thêm hiệu quả. Cần xây dựng một kế hoạch toàn diện, một lộ trình bài bản để mọi người dân có thể cùng hiểu, cùng sẻ chia và gánh vác trách nhiệm trong việc bảo vệ chủ quyền đất nước.

Đề "Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam" không chỉ là khẩu hiệu, chúng ta cần phải kèm theo đó những luận cứ thuyết phục ăn sâu vào máu thịt của từng người Việt Nam. Chúng ta có thể đưa các bài học lịch sử về Hoàng Sa, Trường Sa vào sách giáo khoa các cấp, tùy theo trình độ hiểu biết của từng bậc học mà biên soạn nội dung phù hợp. Qua các website chính thức, trang bị cho học sinh, sinh viên, đặc biệt là du học sinh Việt Nam, những kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về cơ sở pháp lý, lịch sử cũng như thực tiễn thực hiện chủ quyền của Việt Nam. Có thể dịch ra nhiều thứ tiếng để du học sinh trên toàn Thế giới sử dụng làm tư liệu trong các bài thuyết trình, giới thiệu với bạn bè quốc tế về các luận cứ cũng như bằng chứng lịch sử chứng minh và khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông. Nhà nước cũng cần đầu tư quy mô và hiệu quả hơn vào công tác nghiên cứu về biển, đảo cũng như có chính sách khuyến khích, kêu gọi sự đầu tư từ các tổ chức, cá nhân khác.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần đẩy mạnh hơn công tác thông tin đối ngoại, chủ động tuyên truyền, cung cấp, định hướng thông tin biển, đảo tới cộng đồng quốc tế, người Việt Nam trong và ngoài nước nhằm góp phần tích cực nâng cao sự hiểu biết về tình hình đất nước, tình hình Thế giới, quan điểm, chính sách đúng đắn cũng như đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển của Việt Nam.

Cần có các biện pháp bảo vệ và phát triển phù hợp với từng thời kỳ, từng khu vực. Tăng cường cơ sở vật chất, phát triển nguồn nhân lực, gia tăng hoạt động an ninh quốc phòng, hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật, quân sự cần thiết cho hoạt động bảo vệ vùng biển tranh chấp nói riêng và công tác quản lý biển, đảo nói chung.

KẾT LUẬN

Dù các quốc gia đã thỏa thuận được phương thức giải quyết tranh chấp nhưng đến nay, vấn đề Biển Đông vẫn chưa tìm được lời giải. Việt Nam và các nước khác vẫn đang tích cực tiến hành đàm phán, đang mong chờ Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông sớm ra đời để mở ra một cục diện mới. Nhưng trước khi một điều kỳ diệu có thể xảy ra thì diễn tiến tranh chấp Biển Đông đang là nỗi quan ngại của các quốc gia và cả cộng đồng quốc tế. Sau quá trình nghiên cứu, luận văn đã thu được những kết quả sau:

- Khái quát tình hình tranh chấp Biển Đông và các quy định của pháp luật quốc tế về vấn đề giải quyết tranh chấp.
- Xác định chủ quyền, các nguyên tắc, phương thức thụ đắc lãnh thổ, xác lập chủ quyền theo quy định của pháp luật quốc tế. Khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông phù hợp với quy định của Công ước Luật biển 1982, bảo đảm công bằng theo tuyên bố ứng xử Biển Đông và các Hiệp định về phân định biển.
- Đưa ra lời giải cho bài toán “giải quyết tranh chấp Biển Đông” của Việt Nam đồng thời kiến nghị xây dựng, hoàn thiện lộ trình giải quyết tranh chấp với những chiến lược và bước đi cụ thể để tiến trình giải quyết tranh chấp đạt hiệu quả cao.
- Trình bày cơ sở lịch sử, pháp lý xác lập và thực hiện chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa. Đề xuất luận cứ chứng minh chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo này.
- Kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển, đặc biệt là việc chuẩn bị cho quá trình thực thi Luật biển Việt Nam trong thời gian tới: sửa đổi các văn bản luật chuyên ngành có quy định liên quan tới luật biển cho phù hợp, ban hành những văn bản dưới luật để hướng dẫn cụ thể việc thực hiện từng điều khoản quy định trong luật biển; tuyên truyền, phổ biến Luật biển tới mọi công dân trong nước, kiều bào ở nước ngoài; khẩn trương thành lập các cơ quan chuyên trách tại các vùng biển tranh chấp, giao thẩm quyền kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện luật biển để nhanh chóng phát hiện những vi phạm hay thiếu sót từ quy định của pháp luật, kịp thời đưa ra các tác động cần thiết.
- Đề xuất việc kết hợp bảo vệ chủ quyền từ pháp lý tới thực tiễn.